

Bản án số: 14/2019/DS-PT
Ngày 26-4-2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sinh

Ông Đặng Ngọc Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 1 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Hồng N; địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng H; địa chỉ: Thôn 1, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đinh Văn N; cư trú cùng địa chỉ của chị Nguyễn Thị Hồng H. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Trương Thị Hồng N trình bày:

Từ tháng 8 năm 2016 đến tháng 6 năm 2017, chị cho chị Nguyễn Thị Hồng H vay tiền 9 lần với lãi suất là 3%/tháng/số nợ gốc theo từng thời điểm vay, cụ thể:

- Ngày 20-8-2016, chị H vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là đến tháng 12 năm 2016 (âm lịch).

- Ngày 05-12-2016 (âm lịch) chị H vay 5.000.000 đồng, thời hạn là 3 tháng kể từ ngày vay.

- Ngày 10-12-2016 (âm lịch), chị H vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 tháng kể từ ngày vay.

- Ngày 21-12-2016 (âm lịch), chị H vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 4 tháng kể từ ngày vay.
- Ngày 25-5-2017 (âm lịch), chị H vay 35.000.000 đồng, thời hạn vay là đến cuối năm 2017.
- Ngày 17-6-2017 (âm lịch), chị H vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay là đến cuối năm 2017.
- Ngày 22-6-2017 (âm lịch), chị H vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay là đến cuối năm 2017.
- Ngày 26-6-2017 âm lịch, chị H vay 10.000.000 đồng, chị H hẹn cuối năm 2017 sẽ trả;
- Ngày 27-6-2017 âm lịch, chị H vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay là đến cuối năm 2017.

Chị H đưa cho chị giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 492850 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11-6-2007.

Đến hạn, chị đòi nợ nhiều lần, nhưng chị H không trả nợ gốc và nợ lãi. Do đó, chị yêu cầu chị H phải trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi cho chị.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút phần yêu cầu khởi kiện đòi với 5.000.000 đồng mà chị H vay ngày 5-12-2016 (âm lịch) và 40.000.000 đồng mà chị H vay ngày 21-12-2016 (âm lịch), tổng cộng là 45.000.000 đồng. Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc chị H phải trả số nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 21-11-2017 (âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi đã thỏa thuận trong các lần hòa giải là 1%/150.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Chị thừa nhận có vay tiền của chị N 9 lần, tổng số là 195.000.000 đồng như chị N trình bày trên với lãi suất là 3%/1tháng của số nợ gốc theo từng thời điểm vay. Đến ngày 20-11-2017, chị đã trả cho chị N số tiền gốc là 45.000.000 đồng, cụ thể là trả cho khoản vay ngày 5-12-2016 (âm lịch) và ngày 21-12-2016 (âm lịch). Lúc đó, chị N không mang theo giấy vay khản tiền này, nên đã viết vào giấy nội dung “*ngày mai trả giấy 40(Tr) + 5 tr Đã trả tiền*”; chị N chưa trả cho chị giấy vay của 45.000.000 đồng này. Chị đã trả đầy đủ lãi của các lần vay sau ngày 20-8-2016 và chỉ còn nợ chị N 150.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này kể từ ngày 21-11-2017 đến nay.

Chị vay tiền để làm kinh tế, nhưng vì gặp phải rủi ro, thua lỗ, nên chị không có khả năng trả nợ. Chị thừa nhận còn nợ chị N 150.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này với mức lãi 1%/tháng kể từ ngày 21-11-2017 đến nay.

Chị đề nghị trả nợ gốc và nợ lãi nêu trên trong nhiều lần; nếu chị N không đồng ý thì chị đề nghị trả bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 492850 ngày 11-6-2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho chị, vì hiện nay chị không có khả năng trả nợ bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn N trình bày:

Anh đồng ý với ý kiến của vợ anh (chị H) và không có ý kiến hay yêu cầu bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 305, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều

144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Hồng N;

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho chị Trương Thị Hồng N 150.000.000 đồng tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 166.000.000 đồng.

Khi nào chị Nguyễn Thị Hồng H trả hết 166.000.000 đồng thì chị Trương Thị Hồng N phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 492850 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11-6-2007 cho chị Nguyễn Thị Hồng H.

Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Hồng N đối với số tiền 45.000.000 đồng. Chị N có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 8.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Trương Thị Hồng N 5.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0002469 ngày 16-5-2018 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-12-2018, bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút phần khởi kiện đối với số nợ gốc là 45.000.000 đồng; Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị đơn chịu án phí đối với số tiền này là không đúng.

- Theo đơn khởi kiện ngày 14-5-2018, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả 29.250.000 đồng tiền lãi và chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí của tiền này. Tại bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với tiền lãi là 16.000.000 đồng, nhưng lại không buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với 13.250.000 đồng tiền lãi không được chấp nhận, là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Chị H phải trả cho chị N 150.000.000 đồng nợ gốc và 16.000.000 đồng nợ lãi, tổng cộng là 166.000.000 đồng.

Chị H có nghĩa vụ trả 166.000.000 đồng nêu trên cho chị N theo phương thức và thời hạn sau đây:

Từ ngày 26-4-2019 đến ngày 26-6-2019, chị H phải trả cho chị N 55.000.000 đồng.

Từ ngày 27-6-2019 đến ngày 27-8-2019, chị H phải trả cho chị N 55.000.000 đồng.

Từ ngày 28-8-2019 đến ngày 28-10-2019, chị H phải trả cho chị N 56.000.000 đồng.

Anh Đinh Văn N không có nghĩa vụ liên đới trong việc trả 166.000.000 đồng nêu trên.

Ngay sau khi chị Nguyễn Thị Hồng H trả đầy đủ 166.000.000 đồng nêu trên thì chị Trương Thị Hồng N phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 492850 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11-6-2007 cho chị Nguyễn Thị Hồng H.

- Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ra bản án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và sự thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là: (166.000.000 đồng x 5%) = 8.300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho chị Trương Thị Hồng N 150.000.000 đồng nợ gốc và 16.000.000 đồng nợ lãi, tổng cộng là 166.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Hồng H có nghĩa vụ trả 166.000.000 đồng nêu trên cho chị Trương Thị Hồng N theo phương thức và thời hạn sau đây:

Từ ngày 26-4-2019 đến ngày 26-6-2019, chị Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho chị Trương Thị Hồng N 55.000.000 đồng.

Từ ngày 27-6-2019 đến ngày 27-8-2019, chị Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho chị Trương Thị Hồng N 55.000.000 đồng.

Từ ngày 28-8-2019 đến ngày 28-10-2019, chị Nguyễn Thị Hồng H phải trả cho chị Trương Thị Hồng N 56.000.000 đồng.

Anh Đinh Văn N không có nghĩa vụ liên đới trong việc trả 166.000.000 đồng nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Trương Thị Hồng N cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, chị Nguyễn Thị Hồng H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngay sau khi chị Nguyễn Thị Hồng H trả đầy đủ 166.000.000 đồng nêu trên thì chị Trương Thị Hồng N phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 492850 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11-6-2007 cho chị Nguyễn Thị Hồng H.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Trương Thị Hồng N 5.600.000 đồng tiền tạm ứng phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002469 ngày 16-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 8.300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đối với 5.000.000 đồng mà nguyên đơn trình bày rằng chị Nguyễn Thị Hồng H vay ngày 5-12-2016 (âm lịch) và 40.000.000 đồng đồng mà nguyên đơn trình bày rằng chị Nguyễn Thị Hồng H vay ngày 21-12-2016 (âm lịch); tổng cộng là 45.000.000 đồng.

Chị Trương Thị Hồng N có quyền khởi kiện lại đối với 45.000.000 đồng này theo quy định pháp luật.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002582 ngày 11-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Gia Lai; chị Nguyễn Thị Hồng H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Toà DS, VT (14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Tiến Dũng

